ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

PHẠM TIẾN NAM

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thái Nguyên, tháng 10/2019

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

PHẠM TIẾN NAM

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Chuyên ngành: Phát triển nông thôn

Mã ngành: 8 62 01 18

LUẬN VĂN THẠC SĨ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Người hướng dẫn: PGS.TS. Dương Văn Sơn

Thái Nguyên, tháng 10/2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan tất cả các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là hoàn toàn trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Mọi trích dẫn trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước Hội đồng chấm luận văn, trước Nhà trường và phòng Đào tạo về các thông tin, số liệu trong đề tài luận văn này.

Tác giả luận văn

Phạm Tiến Nam

LỜI CÁM ƠN

Trong thời gian thực tập và nghiên cứu tại huyện Văn bàn, tỉnh Lào Cai, tôi đã hoàn thành xong đề tài luận văn cao học của mình. Để có được kết quả này, ngoài sự nỗ lực của bản thân, tôi luôn nhận được sự giúp đỡ chu đáo, tận tình của nhà trường, các cơ quan, thầy cô, gia đình và bạn bè. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới:

Ban Giám hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Phòng Đào tạo cùng toàn thể các Thầy, Cô đã tận tụy giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập cũng như thời gian hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo hướng dẫn PGS.TS Dương Văn Sơn đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của UBND huyện Văn Bàn; Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Văn Bàn; Chi cục Thống kê huyện Văn Bàn; các hộ gia đình trên địa bàn,… đã tạo mọi điều kiện thuận lợi có thể để tôi hoàn thành đề tài luận văn này.

Với trình độ và thời gian có hạn, do đó bản luận văn của tôi không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bản đề tài của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Thái Nguyên, tháng 10 năm 2019

Học viên

Phạm Tiến Nam

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CÁM ƠN ii
MỤC LỤC iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT v
DANH MỤC CÁC BẢNG vi
TRÍCH YẾU LUẬN VĂN vii
MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Mục tiêu của đề tài 4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4
4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn đề tài 5
Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI 6
1.1. Cơ sở lý luận của đề tài 6
1.1.1. Khái niệm và thuật ngữ 6
1.1.2. Quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường 8
1.1.3. Vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn 11
1.1.4. Nông thôn mới 14
1.1.5. Tiêu chí và nội dung bảo vệ môi trường trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới 15
1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài 18
1.2.1. Kinh nghiệm bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn trên thế giới .. 18
1.2.2. Cơ sở pháp lý và kinh nghiệm bảo vệ môi trường của Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới 21
1.3. Tổng quan một số nghiên cứu có liên quan và bài học kinh nghiệm rút ra đối với huyện Văn Bàn 28
1.3.1. Tổng quan một số nghiên cứu có liên quan 28
1.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho huyện Văn Bàn về thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng Nông thôn mới 31

Chương 2: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ... 33
2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu huyện Văn Bàn ... 33
2.1.1. Điều kiện tự nhiên ... 33
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội ... 36
2.2. Nội dung nghiên cứu ... 38
2.3. Phương pháp nghiên cứu ... 39
2.3.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp ... 39
2.3.2. Phương pháp thu số liệu sơ cấp ... 39
2.3.3. Phương pháp phân tích ... 42
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN ... 44
3.1. Thực trạng môi trường và vệ sinh nông thôn trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Văn Bàn ... 44
3.1.1. Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm huyện Văn Bàn ... 44
3.1.2. Thực trạng các công trình cơ sở hạ tầng môi trường và vệ sinh của hộ nông dân huyện Văn Bàn ... 49
3.1.3. Thực trạng công trình cơ sở hạ tầng vệ sinh và môi trường do xã, thôn và cộng đồng quản lý ... 55
3.1.4. Một số đánh giá và hành vi của người dân nông thôn về môi trường ... 59
3.2. Khó khăn, thách thức liên quan đến môi trường và an toàn thực phẩm ở huyện Văn Bàn ... 63
3.3. Định hướng và một số giải pháp chủ yếu bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn trong xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn ... 69
3.3.1. Quan điểm, định hướng ... 69
3.3.2. Một số nhóm giải pháp chủ yếu nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn trong xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn ... 70
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ ... 81
TÀI LIỆU THAM KHẢO ... 84

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCĐ	Ban Chỉ đạo
BVTV	Bảo vệ thực vật
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CSXH	Chính sách xã hội
GNBV	Giảm nghèo bền vững
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
IMF	Quỹ tiền tệ Thế giới
KCN	Khu công nghiệp
KT-XH	Kinh tế-xã hội
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NĐ-CP	Nghị định của Chính phủ
NQ/TW	Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng
NQ-CP	Nghị quyết của Chính phủ
NTM	Nông thôn mới
Nxb	Nhà xuất bản
OCOP	Chương trình mỗi xã một sản phẩm
PTNT	Phát triển nông thôn
QĐ/HU	Quyết định Huyện ủy
QĐ-TTg	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
SX-KD	Sản xuất kinh doanh
THCS	Trung học cơ sở
UBND	Ủy ban nhân dân
VAC	Mô hình Vườn-Ao-Chuồng
VACR	Mô hình Vườn-Ao-Chuồng-Rừng
WB	Ngân hàng Thế giới
XĐGN	Xóa đói giảm nghèo

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới 16
Bảng 2.1. Lựa chọn xã điều tra 39
Bảng 3.1. Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm huyện Văn Bàn năm 2018 46
Bảng 3.2. Tình trạng nhà ở của hộ nông thôn huyện Văn Bàn 50
Bảng 3.3. Tỷ lệ hộ sử dụng các nguồn nước sinh hoạt 50
Bảng 3.4. Tỷ lệ hộ có nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở các khu vực 51
Bảng 3.5. Tỷ lệ hộ có hố xí hợp vệ sinh và tình trạng hố xí 52
Bảng 3.6. Tỷ lệ hộ dùng hố xí hợp vệ sinh ở các khu vực trong cả nước 52
Bảng 3.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm và tình trạng nhà tắm 53
Bảng 3.8. Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt và tình trạng sử dụng nước 54
Bảng 3.9. Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi và tình trạng chuồng trại 54
Bảng 3.10. Nhà văn hóa xã và tình trạng nhà văn hóa ở các xã 56
Bảng 3.11. Nhà vệ sinh và tình trạng nhà vệ sinh ở các xã 56
Bảng 3.12. Nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt tại nhà văn hóa 57
Bảng 3.13. Bãi chăn thả gia súc và tình trạng thả rông gia súc 58
Bảng 3.14. Khoảng cách từ vị trí xây dựng các công trình bảo vệ môi trường đến đầu nguồn nước sinh hoạt tập chung và khu dân cư .. 59
Bảng 3.15. Tác động của công trình cơ sở hạ tầng vệ sinh môi trường 60
Bảng 3.16. Lý do các hộ gia đình tham gia ngày công sửa sang, vệ sinh đường giao thông thôn xóm 60
Bảng 3.17. Tỷ lệ hộ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt 61
Bảng 3.18. Hành vi sử dụng thuốc BVTV và thuốc diệt cỏ trong sản xuất 62
Bảng 3.19. Loại năng lượng chính để đun, nấu của các hộ gia đình 63
Bảng 3.20. Lượng chất thải rắn phát sinh năm 2010-2017 huyện Văn Bàn ... 64
Bảng 3.21. Một số chỉ tiêu môi trường chủ yếu huyện Văn Bàn năm 2018 .. 66

TRÍCH YẾU LUẬN VĂN

Tên đề tài: "*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng môi trường nông thôn trong xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai*".

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

Mục đích nghiên cứu của đề tài này là: thông qua đánh giá thực trạng môi trường và vệ sinh nông thôn trong xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn; Đánh giá những khó khăn, thách thức liên quan đến việc nâng cao chất lượng môi trường và vệ sinh nông thôn tại địa bàn nghiên cứu để từ đó đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn trong xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đề tài tập trung nghiên 3 nội dung chủ yếu sau đây: (1) Thực trạng môi trường và vệ sinh nông thôn trong trong xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, (2) Khó khăn, thách thức trong việc nâng cao chất lượng môi trường nông thôn tại địa bàn nghiên cứu, và (3) Định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng môi trường nông thôn trong xây dựng nông thôn mới huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Để thực hiện 3 nội dung trên đây, đề tài đã sử dụng phương pháp điều tra phỏng vấn bằng phiếu điều tra đã chuẩn bị trước để thu thập thông tin từ 90 nông hộ thuộc ở 3 xã Hòa Mạc, Làng Giàng và Sơn Thủy, đại diện cho 3 nhóm xã khác nhau về điều kiện kinh tế, về đích nông thôn mới và về tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm ở huyện Văn Bàn. Ngoài ra đề tài còn tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc và thảo luận nhóm với cán bộ làm công tác quản lý tài nguyên môi trường, lãnh đạo xã, thôn.

Số liệu điều tra được tổng hợp, phân tích theo các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp đối chiếu so sánh.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Bảo vệ môi trường và vệ sinh nông thôn trong xây dựng nông thôn mới là một vấn đề mới, phức tạp liên quan đến

nhiều lĩnh vực nhiều thành phần tham gia, rất khó thực hiện, chủ thể và nguồn lực để thực hiện chính là người dân. Kết quả thực hiện các nội dung của tiêu chí số 17 về môi trường của các xã trên địa bàn huyện Văn Bàn cho thấy sự cải thiện rõ nét qua các năm, từng bước thực hiện theo kế hoạch đề ra. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2018, trong số 22 xã triển khai xây dựng NTM, đã có 6 xã đạt tiêu chí số 17, chiếm 27,3%. Mục 17.1, đến hết năm 2018 trên địa bàn huyện Văn Bàn có 17/22 xã đã hoàn thành chỉ tiêu này, đạt 77,27% so với Bộ tiêu chí quốc gia trong xây dựng NTM; Mục 17.2 có 11/22 xã đã hoàn thành chỉ tiêu này, đạt 50,0%; Mục 17.3 có 16/22 xã đạt chỉ tiêu, chiếm 72,72%; Mục 17.4 có 10/22 xã (chiếm tỷ lệ 45,45%) đã đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân và đưa vào sử dụng, có quy chế quản lý nghĩa trang, nhưng do địa hình đồi núi chia cắt khoảng cách từ khu dân cư đến nghĩa trang xa, tập quán, thói quen mai táng của một số đồng bào dân tộc thiểu số còn lạc hậu. Đây là rào cản rất lớn trong chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu này; Mục 17.5 có 6/22 xã đạt chỉ tiêu này chiếm tỷ lệ 27,72%, chủ yếu tập chung ở 06 xã đã hoàn thành NTM; Mục 17.6 có 11/22 xã đạt chỉ tiêu này, chiếm 50,00%; Mục 17.7 có 13/22 xã đạt chỉ tiêu này, chiếm tỷ lệ 59,09%, và mục 17.8 có 22/22 xã đạt chỉ tiêu này, chiếm tỷ lệ 100%.

Các công trình cơ sở hạ tầng môi trường và vệ sinh của hộ gia đình nông thôn được là những công trình cơ sở hạ tầng có vai trò quan trọng, liên quan đến đời sống và sinh hoạt hàng ngày của người dân nông thôn. Các công trình này được xác định bao gồm: nhà ở, nguồn nước sinh hoạt, hố xí, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt, chuồng trại chăn nuôi, đun nấu,… Điều đáng chú ý là có sự khác biệt rất đáng kể về tình trạng nhà ở, nguồn nước sinh hoạt, hố xí, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt, chuồng trại chăn nuôi, nguyên liệu dùng để đun nấu cũng như hành vi của người dân về bảo vệ môi trường giữa các nhóm xã khác nhau. Nếu như nhóm xã 1 (là nhóm xã có điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi, đã hoàn thành đích nông thôn mới) có tỷ lệ hộ có nhà xây